

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Hoàng Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2022/TLST-DS ngày 18/7/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xóm 10, xã M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị L1, sinh năm 1971.

ĐKKH: KDC T1, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Hiện ở: Xóm 6, xã M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Bà H có mặt; Bà L1 đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và những tài liệu có trong hồ sơ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Do có quan hệ quen biết từ trước, nên ngày 26/02/2022 bà Trương Thị L1 có đặt vấn đề hỏi vay bà H số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn. Hai bà có lập giấy cam kết thỏa thuận vay tiền ngày 26/02/2022, thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1,5%/tháng, khi nào bà H cần thì bà L1 phải có trách nhiệm thanh toán trả hết số tiền gốc và số tiền lãi theo thỏa thuận. Ngoài ra, trong quá trình chơi họ, bà L1 còn nợ số tiền họ của bà H với số tiền 70.000.000đ, được thể hiện tại Giấy chứng nhận nợ tiền họ ngày 10/5/2022. Do có nhu cầu cần sử dụng số tiền trên, nên bà H đã thông báo cho bà L1 biết để bà L1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận của hai khoản nợ trên, song bà L1 khất nản không trả số nợ gốc cũng như nợ lãi theo thỏa thuận. Do vậy, ngày 28/5/2022 bà H đã làm đơn

yêu cầu khởi kiện buộc bà L1 phải có trách nhiệm thanh toán trả cả cho bà hai khoản vay tổng là 170.000.000đ, bà H tự nguyện không yêu cầu tiền lãi suất.

Quá trình Tòa án giải quyết, bà Trương Thị L1 trình bày: Do có mối quan hệ quen biết từ trước với bà H. Nên ngày 26/02/2022, bà có hỏi vay bà H số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, khi vay hai bên có lập giấy cam kết, thỏa thuận miệng tiền lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày, tính lãi kể từ ngày vay (*không ghi vào Giấy cam kết vay tiền*), khi nào bà H cần thì bà sẽ có trách nhiệm thanh toán. Ngoài ra, trong quá trình chơi họ, bà còn nợ bà H số tiền 70.000.000đ, ngày 10/5/2022 giữa bà và bà H đã chốt nợ tiền họ với nhau. Nguồn vay này mục đích của riêng bà, không liên quan đến chồng bà (ông T2). Song kể từ ngày vay cho đến nay, do điều kiện làm ăn khó khăn, bà vẫn chưa thanh toán được tiền nợ gốc, nợ lãi cho bà H. Nay bà xác định bà còn nợ bà H tổng số tiền nợ gốc là 170.000.000đ, bà xin trả sau cho bà H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Trương Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Còn đối với bị đơn: Không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Áp dụng Điều 274, 278, 280, 351, 357, 398; 463, 464, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc: Bà Trương Thị L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng, chấp nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu bà L1 phải thanh toán tiền lãi suất đối với số tiền trên. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L1 không trả hoặc không trả đầy đủ thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Về án phí: Bà Trương Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản vay nợ phải thanh toán theo quy định của pháp luật là 8.500.000 đồng; Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Trương Thị L1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại T1, T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, hiện ở: Xóm 6, xã M, thị xã Kinh Môn, có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39,

khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý, giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt bà Trương Thị L1 theo thẩm quyền là phù hợp.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 26/02/2022 bà Trương Thị L1 có thỏa thuận vay bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000đ được thể hiện tại Giấy cam kết thỏa thuận vay tiền ngày 26/02/2022 ; Ngày 10/5/2022, bà L1 còn xác nhận nợ tiền họ của bà H số tiền 70.000.000đ. Quá trình giải quyết, bà L1 đều thừa nhận, hiện bà còn nợ bà H tổng số tiền nợ gốc là 170.000.000đ (cho cả hai khoản vay), song do điều kiện khó khăn, bà vẫn chưa trả gốc, lãi cho bà H, nay bà đề nghị có trách nhiệm trả sau cho bà H. Bà H không nhất trí, yêu cầu bà L1 phải thực hiện ngay nghĩa vụ thanh toán trả nợ, bà H tự nguyện không yêu cầu bà L1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi cho cả hai khoản vay. Đối với số tiền thỏa thuận tiền lãi suất 2.000đ/triệu/ngày bà H không thừa nhận, bà L1 không có tài liệu để chứng minh. Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với cam kết thỏa thuận vay tiền và chứng nhận nợ tiền họ giữa các bên. Nên cần chấp nhận buộc bà L1 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 170.000.000đ cho bà H theo Giấy cam kết thỏa thuận vay tiền ngày 26/02/2022 và Giấy chứng nhận nợ tiền họ ngày 10/5/2022; chấp nhận không yêu cầu tính tiền lãi suất cho cả hai khoản vay đối với bà Trương Thị L1 theo sự tự nguyện của bà H là phù hợp.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bà Trương Thị L1 phải có trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, 275, 278, 280, 463, 465, 466, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trương Thị L1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*) theo Giấy cam kết thỏa thuận vay tiền ngày 26/02/2022 và Giấy chứng nhận nợ tiền họ ngày 10/5/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà bà Trương Thị L1 chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Bà Trương Thị L1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 8.500.000đ. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:AA/2020/0001363 ngày 18/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tòa án báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Kinh Môn;
- Lưu: hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hiền